

Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư công nhìn từ hệ thống văn bản pháp luật

PHẠM XUÂN PHÚ

Đầu tư công ở Việt Nam có vai trò quan trọng trong phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kinh tế và xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước. Đồng thời là động lực quan trọng đối với một số ngành và vùng trọng điểm, góp phần thúc đẩy thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, an ninh, quốc phòng... Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, sự cần thiết phải ban hành pháp luật về đầu tư công đã và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng.

Hoạt động đầu tư công ở nước ta trong thời gian qua được quản lý theo quy định của nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Quản lý nợ công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật sửa đổi bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản... Ngoài ra, hoạt động đầu tư công còn được điều chỉnh bằng Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Hiện có khoảng hơn 1000 văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư, đặc biệt là đầu tư công (PGS, TS Kiều Đình Thụy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ). Những văn bản này góp phần điều chỉnh hoạt động đầu tư công đi đúng hướng phát triển mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Tuy nhiên, quá trình thực thi các văn bản pháp luật về đầu tư công cho thấy hệ thống pháp luật về đầu tư công còn chưa hoàn chỉnh và chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của hoạt động vốn dĩ rất phức tạp này. Cụ thể:

Thứ nhất, các văn bản pháp luật về đầu tư công chưa cụ thể, rõ ràng và đầy đủ.

Tuy có nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư công như đã nêu nhưng thực tế hoạt động đầu tư công chưa có đủ các quy định để điều chỉnh toàn diện hoạt động đầu tư công. Trong đó, đáng lưu ý là hệ

thống pháp luật hiện hành của nước ta chưa có một văn bản pháp lý nào quy định thế nào là đầu tư công, phạm vi của đầu tư công đến đâu, vai trò điều tiết, "kiến tạo phát triển" của Nhà nước như thế nào và làm thế nào để quản lý và thúc đẩy sự phát triển đầu tư công phù hợp với quy mô và trình độ phát triển kinh tế - xã hội...

Đặc biệt, bất cập lớn nhất là tồn tại khoảng trống pháp lý rất lớn về những vấn đề cốt lõi của hoạt động đầu tư công, đó là: Phạm vi hoạt động đầu tư công bao gồm hoạt động đầu tư của Nhà nước nhằm mục đích thu lợi nhuận hay không vì mục đích kinh doanh? Nhà nước đầu tư bằng phương thức nào? Cơ chế thu hút sự tham gia của các tổ chức kinh tế vào hoạt động như thế nào? Cách thức lập kế hoạch đầu tư, phân bổ, quản lý vốn và các nguồn lực đầu tư gắn với trách nhiệm về phân cấp ngân sách ra sao? Trách nhiệm tổ chức thực hiện quá trình đầu tư và khai thác dự án đầu tư, trách nhiệm giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư trong và sau khi hoàn thành dự án đầu tư?... Những khoảng trống này đã tạo cơ hội cho những hành vi lách quy định để trục lợi. Ví dụ như lợi dụng chính sách thu hút nguồn vốn ngoài Nhà nước tham gia đầu tư bằng các hình thức BT, BOT, BTO, nhiều nhà đầu tư tư nhân đã tự bỏ vốn và thực hiện đầu tư nhưng không theo phương thức "chia khóa trao tay" mà lại nhận sự hỗ trợ từ Nhà nước trước và trong quá trình đầu tư, chủ yếu là "đổi đất lấy hạ tầng".

Các văn bản quy phạm pháp luật

hiện hành còn có một số thiếu sót, chưa có các quy định về một số vấn đề cụ thể và rất quan trọng của đầu tư công. Chẳng hạn, pháp luật đầu tư công chưa xác định rõ yêu cầu quản lý Nhà nước về đầu tư công, đối tượng và nội dung quản lý trong các khâu quy hoạch, kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện dự án, quản lý sử dụng vốn... Việc phân định trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý đầu tư công chưa rõ ràng. Thêm vào đó, cũng chưa có quy định về việc phân cấp quản lý trong đầu tư công phải đi đôi với việc kiểm tra, đôn đốc và gắn với quyền lợi và nghĩa vụ; trình độ, năng lực của từng cấp. Các quy định của pháp luật về việc quản lý sau đầu tư còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, các quy định chế tài trong các quy định pháp luật chưa đủ mạnh để đảm bảo kỷ cương, kỷ luật trong đầu tư công nên chưa ràng buộc được trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

Trong thực tế, khi triển khai hoạt động đầu tư công còn nhiều vi phạm phổ biến ở dạng: không đủ thủ tục vẫn được ghi vào kế hoạch đầu tư; Không đủ nguồn vốn vẫn ghi kế hoạch và triển khai thi công; Không thực hiện đồng bộ giữa giải phóng mặt bằng và triển khai thi công công trình làm chậm tiến độ, gây lãng phí lớn; Vi phạm các quy định trong đấu thầu (chạy thầu, thông thầu, chia nhỏ gói thầu để chỉ định thầu...); Vi phạm các quy định về năng lực chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các nhà

thầu... nhưng pháp luật chưa có các quy định về trách nhiệm và chế tài cụ thể nên khó xử lý vi phạm.

Hơn nữa, các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng cơ bản chưa bao quát đầy đủ các loại hình vi phạm có thể xảy ra, chưa nêu đầy đủ các đối tượng tham gia hoạt động xây dựng như tổ chức tư vấn, cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án... chưa có quy định về cưỡng chế thi hành quyết định thanh tra, kiểm toán nên hiệu quả thanh tra, kiểm toán chưa cao.

Thứ ba, nhiều văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện pháp luật về đầu tư công ban hành chậm

Luật Xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 nhưng đến ngày 07/2/2005 mới ban hành Nghị định 16/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành (sau hơn 7 tháng khi luật có hiệu lực) và đến ngày 29/7/2005 Bộ Xây dựng mới ban hành Quyết định số 24/2005/QĐ-BXD về "Định mức dự toán công trình – phần xây dựng" và đến tháng 9/2005, mới có Thông tư số 08/2005/TT-BXD hướng dẫn về lập, thẩm định dự án.

Thứ tư, chưa có một văn bản luật thống nhất về đầu tư công làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và quản lý đầu tư sử dụng vốn Nhà nước cho các mục đích ngoài kinh doanh mà Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị thuộc bộ máy Nhà nước tiến hành.

Các quy định hiện hành có ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau nên gây khó khăn cho việc tra cứu, thi hành và áp dụng. Dự thảo Luật Đầu tư công đã hai lần được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội vào năm 2007 và 2009, nhưng đều bị trì hoãn. Cần có những quy định thống nhất và chặt chẽ về việc sử dụng nguồn vốn Nhà nước vào các mục đích khác nhau, cả công ích và đầu tư kinh doanh. Trong đó, vấn đề quan trọng hàng đầu là quy định Nhà nước cần tập trung đầu tư vào những mục tiêu nào, lĩnh vực nào và dưới hình thức nào nhằm tăng cường quản lý,

chống thất thoát và lãng phí trong đầu tư công như các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ nhiều lần đặt ra.

Thứ năm, các văn bản pháp luật về đầu tư công còn có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, gây khó khăn cho quá trình thực hiện pháp luật.

Chẳng hạn như, việc phân loại dự án đầu tư còn có sự khác nhau giữa Luật Xây dựng và Luật Đầu tư. Theo Luật Xây dựng, việc phân loại dự án đầu tư căn cứ vào hai yếu tố là quy mô vốn và theo ngành nghề kinh tế, kỹ thuật. Trong khi đó, theo Luật Đầu tư, căn cứ để phân loại dự án là quy mô vốn, không phân biệt dự án thuộc ngành nào. Ngoài ra, thẩm quyền xem xét và quyết định dự án được quy định tại hai luật này cũng khác nhau....

Bên cạnh đó, phạm vi điều chỉnh của các hoạt động đầu tư chưa thống nhất, Luật Đầu tư hiện hành chỉ điều chỉnh hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh, còn lại là các hoạt động đầu tư không nhằm mục đích kinh doanh chưa có luật tương ứng để điều chỉnh. Như vậy, những hoạt động đầu tư không nhằm mục đích kinh doanh vẫn được điều chỉnh bởi các quy định tại các Nghị định về quản lý đầu tư và xây dựng đã ban hành. Sự tồn tại của các Nghị định này vừa thừa một số nội dung, lại không đồng bộ, hơn nữa cũng là hoạt động đầu tư công, nhưng lại được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật ở cấp độ khác nhau (có những hoạt động đầu tư công được điều chỉnh theo Luật và có những hoạt động đầu tư công khác lại được điều chỉnh bởi Nghị định)... Vì vậy, Luật và Nghị định có nhiều nội dung khác nhau, dẫn tới khó áp dụng, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Để có được một khuôn khổ pháp lý hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đầu tư công phát huy hết vai trò quan trọng của mình, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, hủy bỏ những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

- Bãi bỏ các quy định về bao cấp, đặc quyền về vốn, đất đai dành cho các doanh nghiệp Nhà nước, các tập

đoàn kinh tế Nhà nước là cách tốt nhất để nâng cao hiệu quả việc đầu tư công. Nhà nước nên để cho doanh nghiệp Nhà nước và các tập đoàn này hoạt động theo luật và trả lại quyền tự chủ cho doanh nghiệp. Một đạo luật về đầu tư công hoàn chỉnh và phù hợp với tình hình thực tế sẽ tạo nên hành lang pháp lý tốt cho doanh nghiệp hoạt động

Xây dựng lại quy trình đánh giá sự cần thiết của dự án trước khi phê duyệt, hạn chế tình trạng cho phép, phê duyệt dự án quá dễ dàng, không đánh giá đúng năng lực thực hiện của chủ đầu tư. Để bảo đảm minh bạch, hiệu quả trong đầu tư công, cần hạn chế cho phép các cơ quan Nhà nước làm chủ đầu tư. Dự án đầu tư công sẽ càng phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, hạn chế được tình trạng tham nhũng, lãng phí nếu có cơ chế cho phép các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư. Vốn Nhà nước chỉ nhằm làm "vốn mồi" để kêu gọi các nguồn vốn khác như BOT, BT, BTO, PPP... cùng tham gia dự án.

Thứ hai, sửa đổi các quy định hiện hành theo hướng khắc phục những điểm bất hợp lý, hoặc chưa rõ, khó thực hiện.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định về chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm: quy trình, thủ tục, trình tự lập, phê duyệt và điều chỉnh các chương trình, mục tiêu; Quyền và trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến chương trình mục tiêu; Lồng ghép các chương trình mục tiêu; Hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện các chương trình mục tiêu.

- Sửa đổi cơ chế phân cấp đầu tư, trước hết từ nguồn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ, đảm bảo nguyên tắc chỉ quyết định đầu tư khi đã xác định rõ về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn ở từng cấp ngân sách; Nâng cao năng lực quản lý đầu tư theo hướng người quyết định đầu tư phải cân đối khả năng bố trí vốn trước khi phê duyệt dự án đầu tư, chịu trách nhiệm quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu và chất lượng, hiệu quả của dự án.

Thứ ba, bổ sung các quy phạm pháp luật mới nhằm hoàn thiện và tăng

cường khả năng điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công:

- Ban hành văn bản pháp luật quy định đầy đủ về hoạt động đầu tư công. Theo trang thông tin điện tử chính thức của Quốc hội Việt Nam, chúng ta đang trong quá trình thảo luận để thông qua dự thảo Luật Đầu tư công. Dự thảo này do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo và đã được trình ra Quốc hội 2 lần nhưng cho đến nay vẫn chưa được thông qua, mặc dù trước đòi hỏi của tình hình thực tế thì ban hành Luật Đầu tư công vào thời điểm này là vô cùng bức thiết.

Tuy nhiên, việc điều chỉnh pháp luật về Luật đầu tư công còn cần xuất phát từ những nghiên cứu cơ bản của những nhà làm luật về mục tiêu định hướng đối với hoạt động đầu tư công. Trong đó, vấn đề cốt lõi của pháp luật đầu tư công cần phải làm rõ là đầu tư công là hoạt động vì mục đích công hay đầu tư của Nhà nước (có mục tiêu kinh doanh hay không kinh doanh), cần xác định mục tiêu đầu tư công dựa trên vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế, xã hội, chủ yếu cung cấp các dịch vụ, hàng hoá công phục vụ dân sinh. Đó là cơ sở cho bảo đảm hiệu quả của hoạt động đầu tư công, trong đó phải tách bạch trách nhiệm quản lý Nhà nước với trách nhiệm bảo đảm hiệu quả đầu tư của từng chủ thể được giao quyền và trách nhiệm.

Một trong những giải pháp kiên

quyết xử lý hiện nay là thu hẹp phạm vi đầu tư công của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp Nhà nước trong các lĩnh vực mà tư nhân không đầu tư, còn các hoạt động khác của doanh nghiệp Nhà nước do doanh nghiệp tự do kinh doanh và tự chịu trách nhiệm như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Nếu giải quyết được triệt để vấn đề trên thì chúng ta sẽ có văn bản quy phạm pháp luật thống nhất quy định về hoạt động đầu tư công.

- Đối với các quy định pháp luật về đầu tư công cần bổ sung những quy định rõ hơn về một số nội dung như: trình tự, thủ tục đầu tư đối với dự án có xây dựng công trình và dự án không có xây dựng công trình; quyền và trách nhiệm của các đối tượng: người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, tổ chức và cá nhân được ủy quyền quản lý thực hiện dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn giám sát thi công chất lượng công trình; các nhà thầu cung cấp sản phẩm, hàng hóa, các dịch vụ tư vấn, thiết kế, thi công, xây dựng công trình,... Có thể nghiên cứu xây dựng luật về tiếp cận thông tin đối với các dự án đầu tư công để cung cấp thông tin cho nhân dân, nâng cao khả năng của cộng đồng vào việc kiểm tra và giám sát các dự án đầu tư công.

- Cần rà soát để sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời về đầu tư công diễn ra thuận lợi nhưng vẫn đảm bảo được sự quản lý

chặt chẽ của Nhà nước đối với hoạt động này; giảm thiểu tình trạng thất thoát, lãng phí trong việc sử dụng vốn đầu tư công từ Ngân sách Nhà nước.

- Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả tổng hợp, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và tiêu chuẩn tác động đến môi trường đối với các dự án đầu tư công. Hệ thống tiêu chí (định tính và định lượng) phải cụ thể, là cơ sở để sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư công cũng như việc thẩm định, quyết định, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư công.

- Đặc biệt, cần xác định rõ ràng và chặt chẽ đối tượng và nội dung phân cấp đầu tư, quản lý quy hoạch, kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện dự án, quản lý sử dụng vốn, quản lý khai thác dự án; phân định trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý đầu tư công; cụ thể hóa và nâng cao mức chế tài cụ thể để đảm bảo kỷ cương, kỷ luật trong đầu tư; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, hiệu quả thấp, lãng phí, thất thoát và xử lý những vi phạm trong quản lý đầu tư...

Thứ tư, pháp điển hóa pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất nhằm tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện pháp luật

- Hoàn thiện các quy định của Hiến pháp có liên quan đến đầu tư công, vì theo quan điểm của Đảng thể hiện



Dự án đầu tư công sẽ càng phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, hạn chế được tình trạng tham nhũng, lãng phí nếu có cơ chế cho phép các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư

Ảnh: Quang Huy

trong Nghị quyết Trung ương 4 về các nguồn lực huy động cho đầu tư công thì ngoài nguồn lực của Nhà nước sẽ có sự tham gia của các nguồn lực xã hội trong hoạt động cho đầu tư công.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản luật có liên quan đến đầu tư công như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng... nhằm đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ và chuẩn mực trong việc quản lý hoạt động đầu tư công; đồng thời đảm bảo một cách nhất quán chiến lược phát triển quốc gia và phù hợp với các quy định mà Việt Nam cam kết khi trở thành thành viên của WTO.

- Hoàn thiện cơ chế đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ đầu tư theo thông lệ quốc tế, trong đó tính đến việc ưu tiên đảm bảo lợi ích quốc gia trong các loại dự án có đặc điểm khác nhau.

- Hướng dẫn cơ chế và các quy định về chuyển đổi hình thức đầu tư, huy động các nguồn vốn khác đối với các dự án không cân đối được nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Đó chính là mô hình PPP, là phương thức hợp tác mà ở đó các dự án công được tư nhân cấp vốn thực hiện. Hiện nay, có hơn 100 quốc gia áp dụng phương thức hợp tác này có hiệu quả, với các loại dự án điển hình là nhượng quyền thu phí; thiết kế, xây dựng, cấp vốn và vận hành; nhượng quyền kinh doanh và tư nhân hóa. Tại các nước công nghiệp hóa, hình thức PPP đã cho phép chuyển giao các dịch vụ công cho khu vực tư nhân với tư cách là một phần của chính sách của Nhà nước.

- Đối với nguồn vốn ODA, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và thủ tục giải ngân vốn ODA, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách vốn đối ứng, cơ chế bảo lãnh của Chính phủ, cơ chế cho vay đối với các chương trình, dự án ODA ■

Tài liệu tham khảo:

1. Văn phòng Chính Phủ (2012), *Kỷ yếu hội thảo "Pháp luật về Đầu tư công"*;
2. Khoa Tài chính công, Học viện tài chính (2011), *Kỷ yếu Hội thảo "Tài chính công với vấn đề môi trường"*;
3. Quốc Hội, *Luật Xây Dựng*;
4. Quốc Hội, *Luật Ngân Sách Nhà nước*
5. Quốc Hội, *Luật Đấu thầu*
6. Quốc Hội, *Luật Quản lý nợ công*
7. Quốc Hội, *Luật Đấu thầu...*

Những thành công...

(Tiếp theo trang 37)

khoản nợ xấu lớn tại hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng kế hoạch, phương án thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro đến từng khoản nợ; phân công cụ thể trách nhiệm quản lý, đôn đốc, xử lý thu hồi nợ đến từng lãnh đạo, nhân viên; gắn trách nhiệm từng cá nhân với kết quả thu hồi nợ trong việc chi lương, thưởng, công tác thi đua.

- Thành lập nhiều đoàn công tác do các Phó Tổng giám đốc làm trưởng đoàn để trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ chỉ đạo các mặt hoạt động kinh doanh hàng năm đối với các chi nhánh có tài chính khó khăn, nợ xấu cao, qua đó mang lại hiệu quả tích cực làm chuyển biến nhận thức của lãnh đạo và cán bộ tại chi nhánh, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là việc xử lý đối với các khoản nợ xấu lớn, phức tạp.

- Tập trung xử lý nợ xấu của một số chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu cao, kéo dài và không thực hiện được cam kết thu hồi nợ xấu. Xử lý trách nhiệm các cá nhân liên quan đến khoản nợ xấu như thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, chuyển sang tổ chuyên trách thu hồi nợ, chuyển công tác... Đối với trường hợp vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các chi nhánh thực hiện rà soát các khoản nợ xấu, lập phương án bán các khoản nợ xấu đủ điều kiện cho VAMC; thành lập tổ rà soát hồ sơ bán nợ tại trụ sở chính để hoàn thiện các thủ tục bán nợ xấu cho VAMC.

- Chỉ đạo các chi nhánh phân tích và lập phương án xử lý nợ xấu, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro giai đoạn 2008 – 2012 và giai đoạn 2013-2015, khi áp dụng thông tư 02/2013/TT-NHNN từ ngày 01/06/2014.

Nông nghiệp- nông thôn là một thị trường rộng, môi trường hoạt động rất khó khăn với chi phí cao, rủi ro lớn, trong khi cho vay nông dân là những khoản vay nhỏ, phân tán, đặc biệt là đối với vùng II, vùng

III, hàng năm lại không được Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi suất hoặc bù lỗ, nhưng Agribank đã biết vận dụng sáng tạo cơ chế thị trường định hướng XHCN vào hoạt động cho vay. Kết quả đã tạo ra động lực thúc đẩy nông dân phát triển và ngược lại.

Minh chứng rõ ràng nhất đó là sự chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện từ cho vay doanh nghiệp Nhà nước là chủ yếu sang tập trung cho vay hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực nông nghiệp-nông thôn với nhiều phương thức cho vay, đa dạng hóa đối tượng đầu tư, sửa đổi cơ bản quy trình thủ tục, hồ sơ vay vốn... Agribank đã làm thay đổi hoàn toàn tư duy, nhận thức của đội ngũ cán bộ nhân viên trong hệ thống.

Với chuyển hướng mạnh mẽ, kịp thời, kiên quyết và những bước đi thích hợp trong quản trị điều hành, tổ chức thực hiện từng thời kỳ, Agribank luôn khẳng định nông nghiệp – nông thôn là địa bàn hoạt động chủ đạo, là thị trường chủ yếu cần chiếm lĩnh; Hộ gia đình, cá nhân là khách hàng truyền thống, cơ bản, lâu dài; Doanh nghiệp nhỏ và vừa là khách hàng tiềm năng cần đặc biệt quan tâm phát triển.

Từ thực tiễn hoạt động, bằng những bài học kinh nghiệm, Agribank đã xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ chế chính sách nói chung, cơ cấu tín dụng nói riêng phù hợp với NNNT, thực hiện đa dạng hóa đối tượng vay vốn, thường xuyên cải tiến và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo hướng đơn giản đến mức tối đa có thể cho phép. Cơ chế bảo đảm tiền vay luôn được quan tâm tháo gỡ, tạo mọi điều kiện để hộ gia đình ở nông thôn thỏa mãn các nhu cầu về vốn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, phục vụ tiêu dùng, đời sống.

Đáng chú ý là tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp trong điều kiện sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp thường gặp những rủi ro bất khả kháng là một thành công to lớn của Agribank ■